

Số: 404 /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội (sau đây gọi là Nghị quyết), gồm các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, cụ thể:

(1) Tại khoản 4 Điều 3 “ Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục là dịch vụ được tổ chức để tạo điều kiện thuận lợi, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của người học và hoạt động của cơ sở giáo dục nhưng không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoặc chưa được cấu thành trong học phí. Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục bao gồm các dịch vụ như: dịch vụ ăn uống, bán trú; dịch vụ đưa đón người học; dịch vụ y tế học đường; dịch vụ tư vấn tâm lý, hướng nghiệp, trải nghiệm hướng nghiệp; dịch vụ thư viện; dịch vụ công nghệ, học tập số; hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống; dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ; dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác”.

(2) Tại điểm b, khoản 3 Điều 4 quy định đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: “Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”.

2. Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao); cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên của thành phố Hà Nội đang thực hiện thu, quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo theo quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội (Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND).

Tuy nhiên, từ khi Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành đến nay Trung ương đã ban hành nhiều văn bản mới có liên quan: Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 238/2025/NĐ-CP); Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm (Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT); Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và tổ chức sinh hoạt hè cho trẻ em, học sinh (Chỉ thị số 17/CT-TTg); Công văn số 9179/BTC-NSNN ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính về việc bố trí kinh phí tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (Công văn số 9179/BTC-NSNN); Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026 (Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT).

Để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của Hà Nội qua 01 năm thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND và phù hợp với các văn bản quy định của Trung ương có liên quan, cần thiết phải ban hành Nghị quyết quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội thay thế Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND làm cơ sở để các đơn vị triển khai thực hiện.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết nhằm mục đích hoàn thiện căn cứ pháp lý để các cơ sở giáo dục, các cá nhân và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

a) Thể chế hóa các quy định của Chính phủ đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quy định của HĐND Thành phố về danh mục các khoản thu và mức

thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý.

b) Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn, đặc thù của lĩnh vực giáo dục đào tạo và khả năng đóng góp của người dân.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ngày 15/9/2025, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 3675/SGDĐT-KHTC về việc báo cáo tình hình thực hiện các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo;

Ngày 10/10/2025, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 4165/SGDĐT-KHTC về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố trình Thường trực HĐND Thành phố về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố;

Ngày 14/10/2025, Sở Tư pháp Công văn số 4592/STP-VBQP về việc góp ý dự thảo Tờ trình về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố;

Ngày 15/10/2025, Sở Tài chính có Công văn số 12799/STC-TCHCSN về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố trình Thường trực HĐND Thành phố về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố;

Ngày 20/10/2025, Sở Giáo dục và Đào tạo có Tờ trình số 4315/TTr-SGDĐT về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội;

Ngày 24/10/2025, Sở Giáo dục và Đào tạo có các Công văn: số 4432/SGDĐT-KHTC về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố; số 4433/SGDĐT-KHTC về việc gửi phiếu lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố; số 4443/SGDĐT-KHTC về việc đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử Thành phố;

Ngày 29/10/2025, Sở Nội vụ có Công văn số 6472/SNV-SBN về việc góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố; ngày 31/10/2025, Sở Tư pháp có Công văn số 4943/STP-VBPQ về việc góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố; ngày 03/11/2025, Sở Khoa học và Công nghệ có Công văn số 4854/SKHCN-VP về việc góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố; ngày 05/11/2025, Sở Tài chính có Công văn số 13894/STC-TCHCSN về việc góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố;

Ngày 05/11/2025, UBND Thành phố có Tờ trình số 375/TTr-UBND về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục,

đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội;

Ngày 11/11/2025, Thường trực HĐND Thành phố có Văn bản số 360/HĐND-BVHXH về việc xây dựng Nghị quyết trình tại kỳ họp của HĐND Thành phố;

Ngày 17/11/2025, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 4823/SGDDT-KHTC về việc xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố;

Ngày 18/11/2025, Sở Tư pháp có Báo cáo số 341/BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội.

IV. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC KHOẢN THU, CƠ CHẾ QUẢN LÝ THU, CHI ĐỐI VỚI CÁC DỊCH VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2024/NQ-HĐND

1. Quy định của Thành phố

Hiện nay, các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao); cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên của thành phố Hà Nội đang thực hiện thu, quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo theo quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND.

2. Kết quả thực hiện

Thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND: Căn cứ mức trần tại Nghị quyết, các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán chi phí để xác định mức thu cụ thể, phải được thỏa thuận bằng văn bản với cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện, có sự thống nhất của Ban giám hiệu nhà trường và cơ quan quản lý cấp trên (Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý) trước khi ban hành, bảo đảm không vượt mức trần quy định. Qua một năm triển khai thực hiện, cơ bản các đơn vị đã thực hiện theo đúng các quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND.

Tổng kinh phí thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập khoảng 8.840 tỷ đồng (trong đó cấp học mầm non là 2.143 tỷ đồng; tiểu học 5.145 tỷ đồng; trung học cơ sở 1.531 tỷ đồng; trung học phổ thông 21 tỷ đồng).

3. Khó khăn, vướng mắc

Hiện nay, một số văn bản quy định của Trung ương liên quan đến các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục có thay đổi, cụ thể: Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT; Chỉ thị số 17/CT-TTg; Công văn số

9179/BTC-NSNN; Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT; do vậy các đơn vị gặp khó khăn về tính pháp lý khi triển khai một số dịch vụ hỗ trợ giáo dục quy định tại Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND như dịch vụ học 02 buổi/ngày; dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống, bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa.

Ngoài ra, tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND quy định trách nhiệm của UBND quận, huyện, thị xã trong việc thống nhất mức thu các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc theo phân cấp quản lý. Tuy nhiên, hiện nay không còn mô hình UBND quận, huyện, thị xã mà thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp do vậy các phường, xã còn lúng túng về việc thống nhất mức thu cho các đơn vị trực thuộc theo phân cấp.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao); học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên học chương trình giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội;

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao); trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên của thành phố Hà Nội.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được bố cục gồm 3 Điều, cụ thể:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2: Danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo.

Điều 3: Tổ chức thực hiện.

Điều 4: Hiệu lực thi hành.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

a) Nguyên tắc đề xuất

- Đảm bảo đúng quy định của Trung ương về danh mục các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số

238/2025/NĐ-CP¹; phù hợp với các quy định có liên quan về dạy thêm học thêm, dạy học 2 buổi/ngày² và phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố Hà Nội.

- Kế thừa một số nội dung đã được quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND, cụ thể:

(1) Kế thừa một số danh mục các khoản thu và giữ nguyên mức trần các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và đào tạo đã được quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND hiện vẫn còn phù hợp với quy định của Nghị định số 238/2025/NĐ-CP và phù hợp với thực tiễn triển khai tại các cơ sở giáo dục.

(2) Kế thừa các quy định về cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo; có điều chỉnh để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế hiện nay của Thành phố sau khi thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Đề xuất cụ thể

- Danh mục các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

Về cơ bản giữ nguyên danh mục và mức trần các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND, trừ dịch vụ học 02 buổi/ngày, dịch vụ bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa và dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống đối với cấp tiểu học để đảm bảo phù hợp với các quy định có liên quan; riêng đối với dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đề xuất vẫn quy định tuy nhiên dịch vụ này không bao gồm các nội dung trong chương trình, thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không bao gồm các nội dung trong chương trình, thời lượng của buổi 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để đảm bảo phù hợp với quy định về dạy buổi 2 đối với cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

Lý do đề xuất:

+ Quy định về dạy thêm học thêm tại Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT (khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 7 có quy định: Việc dạy thêm, học thêm trong

¹ Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục là dịch vụ được tổ chức để tạo điều kiện thuận lợi, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của người học và hoạt động của cơ sở giáo dục nhưng không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoặc chưa được cấu thành trong học phí. Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục bao gồm các dịch vụ như: dịch vụ ăn uống, bán trú; dịch vụ đưa đón người học; dịch vụ y tế học đường; dịch vụ tư vấn tâm lý, hướng nghiệp, trải nghiệm hướng nghiệp; dịch vụ thư viện; dịch vụ công nghệ, học tập số; hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống; dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ; dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác.

² Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và tổ chức sinh hoạt hè cho trẻ em, học sinh; Công văn số 9179/BTC-NSNN ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính về việc bố trí kinh phí tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026.

nhà trường không được thu tiền của học sinh và chỉ dành cho các đối tượng học sinh đăng kí học thêm theo từng môn học. Kinh phí tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường sử dụng nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

+ Quy định về dạy học 02 buổi/ngày

* Công văn số 4567/BCT-ĐĐT-GDPT quy định nội dung dạy buổi 2, cụ thể:

Đối với cấp tiểu học: Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh...

Đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông: Tổ chức ôn tập, phụ đạo học sinh chưa đạt theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông; bồi dưỡng học sinh giỏi; tổ chức ôn tập để học sinh thi tuyển sinh vào lớp 10, ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông. Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật, giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, tư vấn hướng nghiệp (đối với cấp trung học phổ thông), hoạt động tình nguyện (đối với cấp trung học phổ thông); giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, văn hóa, nghệ thuật và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh...

* Công văn 9179/BTC-NSNN có nội dung các địa phương chủ động bố trí ngân sách địa phương để thực hiện dạy học 2 buổi/ngày bắt đầu từ năm học 2025-2026 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; phối hợp triển khai lồng ghép các chương trình, đề án, dự án để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp, đầu tư nguồn lực cho giáo dục, qua đó hỗ trợ việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo chất lượng, hiệu quả, công khai, minh bạch theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 17/CT-TTg)

(Quy định chi tiết danh mục tại Phụ lục kèm theo)

- Cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

Về cơ bản giữ nguyên các nội dung đã quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND, điều chỉnh về trách nhiệm của UBND quận, huyện thành trách nhiệm của UBND phường, xã trong việc thống nhất mức thu cho các cơ sở

giáo dục công lập trực thuộc theo phân cấp để đảm bảo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, cụ thể:

+ Sử dụng và quản lý các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

Các cơ sở giáo dục được tự chủ quyết định các khoản chi để cung cấp dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán; mở sổ sách kế toán, sử dụng, quản lý chứng từ, tổ chức hạch toán, theo dõi riêng đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác doanh thu và phân bổ đầy đủ, chính xác chi phí đối với từng hoạt động; đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo tài chính đúng, kịp thời với các cơ quan quản lý cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định.

Trường hợp dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo có chênh lệch thu (bao gồm thu từ người học và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định) nhỏ hơn chi, đơn vị tính toán bù đắp khoản thiếu hụt bằng các nguồn kinh phí hợp pháp của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bù.

Các cơ sở giáo dục thực hiện công khai việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo theo quy định.

+ Tổ chức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

Căn cứ mức trần tại Nghị quyết, các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán chi phí để xác định mức thu cụ thể, được thỏa thuận bằng văn bản với cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện, có sự thống nhất của Ban giám hiệu nhà trường, Ban Giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và cơ quan quản lý cấp trên (Ủy ban nhân dân các phường, xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý) trước khi ban hành, bảo đảm không vượt mức trần quy định.

Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo để quản lý, sử dụng theo quy định; trả chứng từ thu tiền cho người học theo chế độ quy định; có chế độ miễn, giảm phù hợp đối với học sinh thuộc diện chính sách hoặc có hoàn cảnh khó khăn.

Trường hợp học trực tuyến, các cơ sở giáo dục không triển khai thực hiện các khoản thu theo quy định tại Nghị quyết này.

c) Đánh giá tác động đối với các nội dung đề xuất, cụ thể:

- Tác động về nguồn kinh phí: Do nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết từ nguồn thu của học sinh nên không tác động đến ngân sách nhà nước.

- Tác động đối với người học: Mức trần các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo được giữ nguyên như quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND.

- Tác động về phát sinh thủ tục hành chính: Việc triển khai thực hiện Nghị quyết không làm phát sinh thủ tục hành chính.

d) Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025-2026.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH HỌND THÀNH PHỐ THÔNG QUA

- Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách: Từ nguồn thu của học sinh theo học tại các các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội.

- Dự kiến trình Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVI xem xét, thông qua vào kỳ họp thứ 28 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Trên đây là Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Các Đ/c Phó Bí thư Thành ủy;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đ/c PCT UBND Thành phố;
- Các Ban: VHXX, KTNS - HĐND Thành phố;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, các Phó Chánh Văn phòng;
- Các phòng: KGVX, KT, NC, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

15'

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thu Hà

PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ,
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CÔNG LẬP
(KHÔNG BAO GỒM CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO) CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Tờ trình số ~~104~~ /TTr-UBND ngày ~~20~~ tháng ~~11~~ năm 2025 của UBND Thành phố)

TT	Danh mục các khoản thu, mức thu quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND			Đề xuất danh mục các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục				Ghi chú
				Quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	Đề xuất cụ thể			
	Danh mục dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục	Đơn vị tính	Mức trần			Danh mục các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục	Đơn vị tính	
1	Dịch vụ phục vụ bán trú			Dịch vụ ăn uống, bán trú	Dịch vụ ăn uống, bán trú			Giữ nguyên danh mục và mức trần như quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND
1.1	Dịch vụ tiền ăn của học sinh				Dịch vụ tiền ăn của học sinh			
1.1.1	Bữa sáng	Đồng/học sinh/ngày	20.000		Bữa sáng	Đồng/học sinh/ngày	20.000	
1.1.2	Bữa trưa	Đồng/học sinh/ngày	35.000		Bữa trưa	Đồng/học sinh/ngày	35.000	
1.2	Dịch vụ chăm sóc bán trú	Đồng/học sinh/tháng	235.000		Dịch vụ chăm sóc bán trú	Đồng/học sinh/tháng	235.000	
1.3	Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú (công cụ, dụng cụ, vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân phục vụ cho dịch vụ bán trú)				Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú (công cụ, dụng cụ, vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân phục vụ cho dịch vụ bán trú)			
1.3.1	Mầm non	Đồng/học sinh/năm	200.000		Mầm non	Đồng/học sinh/năm học	200.000	
1.3.2	Tiểu học, Trung học cơ sở	Đồng/học sinh/năm	133.000		Tiểu học, Trung học cơ sở	Đồng/học sinh/năm học	133.000	
2	Dịch vụ học 2 buổi/ngày (đối với cấp học Trung học cơ sở)	Đồng/học sinh/tháng	235.000					Không đề xuất danh mục dịch vụ này để đảm bảo đúng quy định theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và tổ chức sinh hoạt hè cho trẻ em, học sinh; Công văn số 9179/BTC-NSNN ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính về việc bố trí kinh phí tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026

TT	Danh mục các khoản thu, mức thu quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND			Đề xuất danh mục các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục				Ghi chú
				Quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	Đề xuất cụ thể			
	Danh mục dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục	Đơn vị tính	Mức trần		Danh mục các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục	Đơn vị tính	Mức trần	
3	Dịch vụ nước uống học sinh	Đồng/học sinh/tháng	16.000	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác	Dịch vụ nước uống học sinh	Đồng/học sinh/tháng	16.000	Giữ nguyên danh mục và mức trần như quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND
4	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	Đồng/học sinh/giờ	12.000	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	Đồng/học sinh/giờ	12.000	1 giờ = 60 phút Giữ nguyên danh mục tuy nhiên điều chỉnh tên cho phù hợp với Nghị định 238/2025/NĐ-CP và giữ nguyên mức trần như quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND
5	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm tiền ăn)	Đồng/học sinh/ngày	96.000	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm tiền ăn)	Đồng/học sinh/ngày	96.000	1 ngày = 8 giờ Giữ nguyên danh mục tuy nhiên điều chỉnh tên cho phù hợp với Nghị định 238/2025/NĐ-CP và giữ nguyên mức trần như quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND
6	Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (do các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trực tiếp thực hiện)	Đồng/học sinh/giờ dạy	15.000	Dịch vụ hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống	Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (do các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trực tiếp thực hiện)			Giữ nguyên danh mục và mức trần như quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND
				Đối với cấp Mầm non				
					Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Đồng/học sinh/giờ dạy	15.000	1 giờ dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định
				Đối với cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông				
					Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng của buổi 1, buổi 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)	Đồng/học sinh/tiết dạy	15.000	1 tiết dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định

TT	Danh mục các khoản thu, mức thu quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND			Đề xuất danh mục các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục				Ghi chú
				Quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	Đề xuất cụ thể			
	Danh mục dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục	Đơn vị tính	Mức trần		Danh mục các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục	Đơn vị tính	Mức trần	
					Đối với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên			
					Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (không bao gồm các nội dung trong chương trình, thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)	Đồng/học sinh/tiết dạy	15.000	1 tiết dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định
7	Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa (do các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trực tiếp thực hiện)	Đồng/học sinh/giờ dạy	15.000	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác	Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (do các cơ sở giáo dục công lập trực tiếp thực hiện)			- Không đề xuất danh mục dịch vụ bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa để đảm bảo đúng quy định theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm - Giữ nguyên mức trần dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa như quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND
					Đối với cấp Mầm non			
					Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Đồng/học sinh/giờ dạy	15.000	1 giờ dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định
					Đối với cấp Tiểu học			
					Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng của buổi 1, buổi 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)	Đồng/học sinh/tiết dạy	15.000	1 tiết dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định

TT	Danh mục các khoản thu, mức thu quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND			Đề xuất danh mục các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục				Ghi chú
				Quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	Đề xuất cụ thể			
	Danh mục dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục	Đơn vị tính	Mức trần		Danh mục các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục	Đơn vị tính	Mức trần	
					Đối với cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông			
					Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng của buổi 1, buổi 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)	Đồng/học sinh/tiết dạy	15.000	1 tiết dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định
					Đối với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên			
					Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (không bao gồm các nội dung trong chương trình, thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)	Đồng/học sinh/tiết dạy	15.000	1 tiết dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định
8	Dịch vụ đưa đón trẻ, học sinh (đưa đón bằng xe ô tô)	Đồng/học sinh/km	10.000	Dịch vụ đưa đón người học	Dịch vụ đưa đón người học (đưa đón bằng xe ô tô)	Đồng/học sinh/km	10.000	Giữ nguyên danh mục và mức trần như quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND
9	Dịch vụ tiền ở của học sinh nội trú tại một số trường có khu nội trú (không bao gồm Trường Phổ thông dân tộc Nội trú)	Đồng/học sinh/tháng	400.000	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác	Dịch vụ tiền ở của học sinh nội trú tại một số trường có khu nội trú (không bao gồm Trường Phổ thông dân tộc Nội trú)	Đồng/học sinh/tháng	400.000	Giữ nguyên danh mục và mức trần như quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND

Ghi chú: Đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo nêu trên khi ngân sách nhà nước đảm bảo thì sẽ không thu từ người học.

Số: /2025/NQ-HĐND
Dự thảo

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số .../BC-VHXXH ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số .../BC-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao); học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên học chương trình giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội;

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao); trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên của thành phố Hà Nội.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

1. Danh mục các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

Quy định chi tiết tại phụ lục kèm theo

2. Cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

a) Sử dụng và quản lý các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

Các cơ sở giáo dục được tự chủ quyết định các khoản chi để cung cấp dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán; mở sổ sách kế toán, sử dụng, quản lý chứng từ, tổ chức hạch toán, theo dõi riêng đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác doanh thu và phân bổ đầy đủ, chính xác chi phí đối với từng hoạt động; đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo tài chính đúng, kịp thời với các cơ quan quản lý cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định.

Trường hợp dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo có chênh lệch thu (bao gồm thu từ người học và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định) nhỏ hơn chi, đơn vị tính toán bù đắp khoản thiếu hụt bằng các nguồn kinh phí hợp pháp của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bù.

Các cơ sở giáo dục thực hiện công khai việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo theo quy định.

b) Tổ chức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

Căn cứ mức trần tại Nghị quyết, các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán chi phí để xác định mức thu cụ thể, được thỏa thuận bằng văn bản với cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện, có sự thống nhất của Ban giám hiệu nhà trường, Ban Giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và cơ quan quản lý cấp trên (Ủy ban nhân dân các phường, xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý) trước khi ban hành, bảo đảm không vượt mức trần quy định.

Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo để quản lý, sử dụng theo quy định; trả chứng từ thu tiền cho người học theo chế độ quy định; có chế độ miễn, giảm phù hợp đối với học sinh thuộc diện chính sách hoặc có hoàn cảnh khó khăn.

Trường hợp học trực tuyến, các cơ sở giáo dục không triển khai thực hiện các khoản thu theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận.

b) Tăng cường công tác chỉ đạo, nâng cao chất lượng dạy và học, không để xảy ra việc lạm thu, thu không đúng quy định của các cơ sở giáo dục công lập; công tác thu, chi tài chính phải công khai, minh bạch và sử dụng đúng mục đích.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng 12 năm 2025. Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025-2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 28 thông qua ngày ... tháng 12 năm 2025./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các VP: Thành ủy, ĐDBQH&HĐND TP; UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường của TP;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND TP
- Trung tâm TT, DL&CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phùng Thị Hồng Hà

**PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ,
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC
MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CÔNG LẬP
(KHÔNG BAO GỒM CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO)
CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân Thành phố)

TT	Danh mục dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo	Đơn vị tính	Mức trần	Ghi chú
1	Dịch vụ ăn uống, bán trú			
1.1	Dịch vụ tiền ăn của học sinh			
1.1.1	Bữa sáng	Đồng/học sinh/ngày	20.000	
1.1.2	Bữa trưa		35.000	
1.2	Dịch vụ chăm sóc bán trú	Đồng/học sinh/tháng	235.000	
1.3	Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú (công cụ, dụng cụ, vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân phục vụ cho dịch vụ bán trú)			
1.3.1	Mầm non	Đồng/học	200.000	
1.3.2	Tiểu học, Trung học cơ sở	sinh/năm học	133.000	
2	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ			
2.1	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	Đồng/học sinh/giờ	12.000	1 giờ = 60 phút
2.2	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm tiền ăn)	Đồng/học sinh/ngày	96.000	1 ngày = 8 giờ
3	Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (do các cơ sở giáo dục công lập trực tiếp thực hiện)			
3.1	Đối với cấp Mầm non			
	Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Đồng/học sinh/giờ dạy	15.000	1 giờ dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định
3.2	Đối với cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông			
	Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng của buổi 1, buổi 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)	Đồng/học sinh/tiết dạy	15.000	1 tiết dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định
3.3	Đối với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên			

TT	Danh mục dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo	Đơn vị tính	Mức trần	Ghi chú
	<i>Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (không bao gồm các nội dung trong chương trình, thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)</i>	<i>Đồng/học sinh/tiết dạy</i>	<i>15.000</i>	<i>1 tiết dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định</i>
4	Dịch vụ đưa đón người học	Đồng/học sinh/km	10.000	Đưa đón bằng xe ô tô
5	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác			
5.1	Dịch vụ nước uống học sinh	Đồng/học sinh/tháng	16.000	
5.2	Dịch vụ tiền ở của học sinh nội trú tại một số trường có khu nội trú (không bao gồm Trường Phổ thông dân tộc Nội trú)	Đồng/học sinh/tháng	400.000	
5.3	Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (do các cơ sở giáo dục công lập trực tiếp thực hiện)			
5.3.1	Đối với cấp Mầm non			
	<i>Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)</i>	<i>Đồng/học sinh/giờ dạy</i>	<i>15.000</i>	<i>1 giờ dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định</i>
5.3.2	Đối với cấp Tiểu học			
	<i>Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng của buổi 1, buổi 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)</i>	<i>Đồng/học sinh/tiết dạy</i>	<i>15.000</i>	<i>1 tiết dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định</i>
5.3.3	Đối với cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông			
	<i>Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng của buổi 1, buổi 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)</i>	<i>Đồng/học sinh/tiết dạy</i>	<i>15.000</i>	<i>1 tiết dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định</i>
5.3.4	Đối với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên			
	<i>Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (không bao gồm các nội dung trong chương trình, thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)</i>	<i>Đồng/học sinh/tiết dạy</i>	<i>15.000</i>	<i>1 tiết dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định</i>

Ghi chú: Đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo nêu trên khi ngân sách nhà nước đảm bảo thì sẽ không thu từ người học.